

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THCS Phú Thị

2. Địa chỉ: xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Email: thcsphuthi2022@gmail.com

- Website: <http://thcsphuthi.pgdgialam.edu.vn>

3. Loại hình trường: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục

* **Sứ mạng:** Tập trung thực hiện các định hướng chiến lược sau:

- Cung cấp cho học sinh kiến thức trong chương trình giáo dục THCS một cách vững chắc, phát triển đầy đủ về trí tuệ, thể chất, đạo đức, tình cảm, thẩm mỹ.
- Thực hiện phương châm hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa trường học; tăng cường số lượng cán bộ quản lý, giáo viên được chuẩn hóa để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; phấn đấu đào tạo nhiều giáo viên giỏi, tâm huyết với nghề, có tinh thần học hỏi, chú trọng rèn luyện tư duy nghiên cứu, sáng tạo và năng động trong công tác.
- Tích cực đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục; xây dựng hệ thống quản lý chuyên môn mang tính chuyên nghiệp.
- Cải tiến phương pháp giảng dạy theo nguyên lý giáo dục: lý thuyết đi đôi với thực hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội; tăng cường giáo dục kỹ năng sống để học sinh thích ứng với mọi hoàn cảnh.
- Cùng cố và xây dựng CSVC, phương tiện dạy học hiện đại đáp ứng nhu cầu và mục tiêu chiến lược đề ra.
- Xây dựng cho học sinh thói quen tự học, làm việc theo nhóm; biết lập bản đồ tư duy, biết thực hiện những đề tài khoa học nhỏ, biết phát biểu những suy nghĩ riêng, những ý kiến chính đáng để đạt nguyện vọng với nhà trường.
- Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

* **Hệ thống giá trị cốt lõi của nhà trường**

Đoàn kết, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, hợp tác



*** Mục tiêu giáo dục:**

Tháng 10/2023, nhà trường được công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2 với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng mọi điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới. Nâng cao vị thế của nhà trường trong ngành giáo dục Gia Lâm. Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THCS Phú Thị được thành lập từ năm 1967. Năm học 1979-1980 trường sát nhập với trường cấp I lấy tên là trường cấp I - II Phú Thị. Năm học 1985-1986 trường tách ra lấy tên là trường phổ thông cơ sở Phú Thị. Năm 1996 trường được đổi tên là trường THCS Phú Thị. Trường được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia năm 2012 và công nhận lại vào năm 2018.

Tháng 10/2023, trường được đầu tư xây dựng mới các phòng học và cải tạo khu hiệu bộ, nhà thể chất và đến nay đã được công nhận chuẩn mức độ 2. Trong nhiều năm qua trường luôn đạt “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc”.

Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cấp lãnh đạo, được sự ủng hộ của chính quyền địa phương, ban đại diện cha mẹ học sinh cùng sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của các thế hệ thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên và các em học sinh nhà trường, trường THCS Phú Thị đã không ngừng đổi mới và phát triển cả về số lượng, chất lượng. Nhiều cán bộ, giáo viên nhà trường đạt danh hiệu: Chiến sỹ thi đua, cán bộ quản lý giỏi, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách giỏi... Nhiều em học sinh của nhà trường cũng đạt danh hiệu: Học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố các bộ môn văn hoá và cả trong lĩnh vực thể dục thể thao.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Vũ Thị Lan Anh

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0962625866

- Email:

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 259/QĐ-TCUB ngày 26/11/1996 của UBND huyện Gia Lâm về việc đổi tên Trường PTCS cấp II Phú Thị thành Trường THCS Phú Thị.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND huyện Gia Lâm. Chủ tịch Hội đồng trường là bà Vũ Thị Lan Anh – Hiệu trưởng – Bí thư chi bộ và 12 thành viên đảm bảo theo cơ cấu được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.



c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Hiệu trưởng Vũ Thị Lan Anh được bổ nhiệm theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm về việc điều động, bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý. Phó Hiệu trưởng Tạ Thuý Hà được bổ nhiệm theo Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND Huyện Gia Lâm.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học cơ sở Phú Thị được ban hành theo Quyết định số 86/QĐ-THCSPT ngày 03/10/2024.

8. Các văn bản khác

Gồm: quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường; quy chế phối hợp giữa nhà trường và công đoàn; quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; quy tắc ứng xử văn hoá trong trường học.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Có biểu thông báo kèm theo

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Có biểu thông báo kèm theo

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Có biểu thông báo kèm theo

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Có biểu thông báo kèm theo

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Có biểu thông báo kèm theo

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Có báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 kèm theo



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Vũ Thị Lan Anh

TP. HÀ NỘI.



THÔNG BÁO

Công khai kết quả hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025

Nội dung báo cáo thường niên năm 2025 – Mục V)

A. Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số HS	763	794
	- Nữ	379	383
	- Dân tộc thiểu số	4	5
	- Khối lớp 6	1	1
	- Khối lớp 7	1	1
	- Khối lớp 8	2	1
	- Khối lớp 9	0	2
2	Tổng số tuyển mới	254	211
3	Học 2 buổi/ngày	440	0
4	Bán trú	56	55
5	Bình quân số HS/lớp học	38	40
6	SL và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	763/100%	794/100%
	- Nữ	379	383
	- Dân tộc thiểu số	4	5
7	Tổng số HSG cấp huyện/tỉnh	31/4	19/5
8	Tổng số HS giỏi quốc gia (nếu có)	0	0
9	Tổng số HS thuộc đối tượng chính sách	0	0
	- Nữ	0	0
	- Dân tộc thiểu số	0	0
10	Tổng số HS (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0
11	Các số liệu khác (nếu có)	0	0

B. Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Tỷ lệ HS xếp loại học lực giỏi	39.84	32.75
Tỷ lệ HS xếp loại học lực khá	34.99	34.38
Tỷ lệ HS xếp loại học lực trung bình	22.80	29.97
Tỷ lệ HS xếp loại học lực yếu, kém	2.36	2.90
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm tốt	90.04	87.28
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá	9.96	12.59
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm trung bình	0	0.13
Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS (THPT)	100%	99.32



THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2024 - 2025

(Nội dung báo cáo thường niên năm 2024 – Mục III)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025	
		Số lượng	Số m ² /học sinh	Số lượng	Số m ² /học sinh
I	Phòng học, phòng bộ môn				
1	Số phòng học	16	-	22	-
a	Phòng học kiên cố	16	1.45	22	1.81
b	Bình quân học sinh/lớp	41.35		40.8	
2	Số phòng học bộ môn	5	0.83	12	1.23
3	Số phòng học đa chức năng	0	-	2	-
II	Số điểm trường	1	-	1	-
III	Tổng số diện tích đất (m ²)	6535		6535	
IV	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3500	5.38	4704	6.4
V	Tổng diện tích các phòng				
1	Diện tích phòng học (m ²)	944	1.45	1.331	1.81
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	540	0.83	902	1.23
3	Diện tích thư viện (m ²)	55	0.08	140	0.19
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	310	0.47	385.9	0.53
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	22.5	0.034	121	0.16
VI	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định				
1.1	Khối lớp 6		4 bộ/lớp		4 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7		4 bộ/lớp		4 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8		4 bộ/lớp		4 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9		4 bộ/lớp		4 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0	0	0
3	Số SGK, ấn phẩm, tạp chí (bản)	0		11.175	
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40		84	
VIII	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	1.25/lớp	42	2.33/lớp
2	Cát xét	3	0.18	3	0.18
3	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	0.5	11	0.6
4	Bảng thông minh	0		0	
IX	Nhà vệ sinh				
1	Dùng cho giáo viên (m2)			96	2.34
2	Dùng cho học sinh (m2)			273	0.37



	Nội dung	Có	Không	Có	Không
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x		x	
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x		x	
XII	Kết nối internet	x		x	
XIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x		x	
XIV	Tường rào xây	x		x	





THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Năm học 2024-2025

(Nội dung báo cáo thường niên năm 2024 – Mục II)

Năm học 2023-2024														Năm học 2024-2025											
STT	Nội dung	Tổng số					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Tổng số					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			ThS	ĐH	CD	TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt		ThS	ĐH	CD	TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37	6	28	2	1	13	20	0	24	9	0	0	37	6	28	2	1	13	20	0	24	9	0	0
I	Giáo viên	31	4	26	1	0	13	18	0	22	9	0	0	31	4	26	1	0	13	18	0	22	9	0	0
1	Văn	6	1	5			1	5		5	1			6	1	5			1	5		5	1		
2	Sử	2		1	1		1	1		1	1			2		1	1		1	1		1	1		
3	Địa	2		2			2				2			2		2			2				2		
4	Tiếng Anh	4	1	3			1	3		2	2			4	1	3			1	3		2	2		
5	GDCD	1	1					1		1				1	1					1		1			
6	Toán	6		6			2	4		5	1			6		6			2	4		5	1		
7	Lý	1		1			1			1				1		1			1			1			
8	Hóa	2	1	1			1	1		2				2	1	1			1	1		2			
9	Sinh	2		2				2		2				2		2				2		2			
10	Tin	1		1			1			1				1		1			1			1			
11	KTCN	0												0											
12	KTNN	0												0											
13	GDTC	2		2			2				2			2		2			2				2		
14	Âm nhạc	1		1			1			1				1		1			1			1			



15	Mỹ thuật	1		1				1		1				1		1				1		1			
II	Cán bộ quản lý	2	2					2		2				2	2					2		2			
1	Hiệu trưởng	1	1					1		1				1	1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1	1					1		1				1	1					1		1			
III	Nhân viên	7		2	1	1								7		2	1	1							
1	Nhân viên văn thư	1			1									1			1								
2	Nhân viên kế toán	1		1										1		1									
3	Thủ quỹ	0												0											
4	Nhân viên y tế	1				1								1				1							
5	Nhân viên thư viện	1		1										1		1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0												0											
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												0											
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												0											
9	Nhân viên bảo vệ	3												3											

